|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 521/TCHQ-TXNK *V/v thực hiện nghị định*  *số 15/2022/NĐ-CP* | *Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022* |

**Kính gửi:** Các cục Hải quan tỉnh ,thành phố.

Ngày 28/01/2022, Tổng cục Hải quan đã ban hành công văn số [370/TCHQ-TXNK](https://thuvienxuatnhapkhau.com/cong-van-370-tchq-txnk-nam-2022-v-v-thuc-hien-nghi-dinh-so-15-2025-nd-cp.html) về việc thực hiện Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/1/2022 của Chính phủ quy định chỉ tiết thi hành chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 của Quốc hội vẻ chính sách. tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kỉnh tế - xã hội.

Để đảm bảo thực hiện đủng nội dung Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP thống nhất trong toàn ngành, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Việc khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với hàng hóa nhập khẩu căn cứ vào thực tế hàng hóa nhập khẩu, đối chiếu với hàng hóa thuộc đối tượng chịu. thuế GTGT và mức thuế suất thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT..
2. Chính sách giảm thuế GTGT đổi với hàng hóa nhập khẩu thực hiện theo phạm vi hàng hóa quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị định. số 15/2022/NĐ-CP, Đôi với việc khai thuế GTGT hàng hóa nhập khấu được giảm thuế GTGT, yêu cầu thực hiện theo đúng các quy định nêu tại điểm 1 và điểm 2 dẫn trên.
3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ không được giảm thuế giá trị gia tăng nêu tại Phụ lục I và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP là các ngành sản phẩm thuộc phạm vi loại trừ tại Nghị quyết số 43/2022/QH15.
4. Hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục hàng hóa, địch vụ không được. giảm thuế GTGT, đáp ứng tiêu chí nêu tại cột 8 “Tên sản phẩm”, cột 9 “Nội dung" của Phụ lục I và phần A Phụ lục III, cột 3 “Hàng hóa” của Phần B Phụ lục III, hàng hóa nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc Phụ lục II ban hành. kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP thỉ áp dụng thuế GTGT 10%,

“Trường hợp hàng hóa nhập khẩu không được nêu tại Danh mục hàng hóa, địch vụ không được giảm thuế GTGT (Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục IHI ban hành kèm theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP), thì áp dụng thuế GTGT 8%.

1. Trường hợp hảng hóa tại Phụ lục I và Phụ lục II xác định mã số HS là:

a) Chương (02 chữ số), không chi tiết nhóm (04 chữ số), phân nhóm (06. chữ số) hoặc mã số (08 chữ số) thì toàn bộ mã hàng 08 chữ số thuộc chương đó. áp dụng thuế GTGT 10%;

b) Chương (02 chữ số), có chi tiết đến nhóm (04 chữ số), không chi tiết phân nhóm (06 chữ số) hoặc mã số (08 chữ số) thì toàn bộ mã hàng 08 chữ số. thuộc nhóm đó áp dụng thuế GTGT 10%;

c) Chương (02 chữ số), có chi tiết đến phân nhóm (06 chữ số), không chi tiết mã số (08 chữ số) thì toàn bộ mã hàng 08 chữ số thuộc phân nhóm đó áp dụng thuế GTGT 10%.

đ) Chương (02 chữ số), có chi tiết đến mã HS 08 chữ số thì chỉ mã hàng 08 chữ số đó áp dụng thuế GTGT 10%.

Ví dụ:

“Trường hợp dòng hàng có tên hãng "Plastie dạng nguyên sinh” (cột B), mã. số HS (cột 10) là 39, có chỉ tiết mã số HS đến nhỏm 04 chữ số, từ nhóm 39.01 đến 39.13 và mã số 3914.00.00 thì toàn bộ các mã hàng 08 chữ số thuộc các nhóm từ 39.01 đến 39.13 và mã số 3914.00.00 áp dụng thuế GTGT 10%, các nhóm 04 chữ số còn lại của Chương 39 áp dụng thuế GTGT 8%.

“Tổng cục Hái quan thông báo để các Cục Hải quan tỉnh, thành phố biết và thực hiện/.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Bộ trưởng Hỗ Đức Phớc (để b/c); - Lãnh đạo BTC (để b/c); - TCT Nguyễn Văn Cẩn (để b/c); - Các đồng chí PTCT (để phối hợp chỉ đạo); - Vụ CST (BTC) ( (để phối hợp); - Vụ pháp chế (BTC) ( (để phối hợp); - Tổng cục thuế (để phối hợp); *- Các đơn vị thuộc TCHQ*; - Lưu: VT, TNXK, CNTT (03b). | **KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG     Lưu Mạnh Tưởng** |